

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **74/2020/HSST**
Ngày: 22/05/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Chương**

Các Hội thẩm nhân dân : **Ông Nguyễn Anh Đức**
Bà Nguyễn Thị Phương Lan

Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thị Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, TP Hà Nội.

Đại diện VKSND huyện T - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Sơn Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2020/HSST ngày 04/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST - HS ngày 19/3/2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/TB - TA ngày 31/03/2020, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 02/TB - TA ngày 24/04/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/HSST - QĐ ngày 12/05/2020 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc B, Sinh năm 1996; Nơi ĐKNKTT: 9B Nguyễn S, quận H, Hà Nội; Chỗ ở: 107 Nghĩa D, quận B, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thanh T, con bà Lê Thúy Á; Có vợ là Lê Ngọc H và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, Tiền sự: chưa; Danh, chỉ bản số 28 lập ngày 18/12/2019 tại Công an huyện T, Hà Nội; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Bị hại: Chị Hoàng Ngọc G - Sinh năm 1996.

Nơi ĐKHKT: Số 59 L, quận H, Hà Nội.

Trú tại: C, quận C, Hà Nội (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đức T – sinh năm 1998.

Trú tại: Số 26, tổ 14 K Trần P, H, Hà Nội (có mặt).

- Anh Lê Đức L – sinh năm 1984.

Trú tại: số 15 ngõ 88 đường K, phường T, H, Hà Nội (có đơn xin vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Ngọc B bị Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố về hành vi như sau:

Chị Hoàng Ngọc G (sinh năm: 1996, HKTT: 59 Lý T, H, Hà Nội) được mẹ để giao cho quản lý một ngôi nhà 03 tầng ở số 60 tập thể G1, T, T, TT, Hà Nội, do không có nhu cầu sử dụng nên chị G đăng tin cho thuê căn nhà này. Khoảng cuối tháng 9 năm 2019, Phạm Ngọc B là bạn học cùng cấp 3 với chị G có liên lạc với chị G để giới thiệu cho chị ruột của B là Phạm Thúy N (sinh năm: 1991, trú tại: 107 Nghĩa D, P, B, Hà Nội) đến thuê căn nhà trên. Chị G đồng ý cho xem nhà nên B đưa chị N đến căn nhà số 60 G1, T, T, TT, khi đến nơi thì chị G mở cửa cho chị N và B vào xem nhà. Khi chị N và chị G đang xem ở phòng phía tay trái cầu thang tầng 2 còn B xem phòng ở phía tay phải cầu thang tầng 2 thì B nhìn thấy một chùm chìa khóa có hai chìa (một chìa dài và một chìa ngắn) buộc dây dù màu trắng, lợi dụng lúc chị N và chị G không để ý, B liền lấy chùm chìa khóa trên cho vào túi quần và đi xuống tầng 1 thử cắm chìa khóa dài vào ổ khóa cửa chính thì thấy mở được cửa nên B cất chùm chìa khóa trên vào túi và không nói cho chị G, chị N biết. Sau khi xem nhà xong, chị G đưa cho chị N 01 chùm chìa khóa để chị N có thể tự mở cửa nhà của G để quay lại xem nhà. Do chị N không có nhu cầu thuê nhà của chị G nữa nên đã đưa lại cho B chùm chìa khóa trên để B trả lại cho chị G. Sau khi nhận được chùm chìa khóa ngôi nhà, B đã thuê người trả lại cho chị G, còn chùm chìa khóa B lấy ở nhà chị G, B vẫn giữ lại.

Ngày 12/10/2019, do thiếu tiền chơi game nên B gọi điện cho Nguyễn Đức T (sinh năm: 1998, trú tại: T, H, Hà Nội) là người cùng làm với B ở đội tự quản H, H, Hà Nội trao đổi về việc B muốn bán thanh lý điều hòa, tủ lạnh ở nhà B ở số 60 G1, T, T, TT, Hà Nội. T đồng ý mua và gọi điện cho Lê Đức L (sinh năm: 1984, HKTT: Số 15, ngõ 88, K, T, H, Hà Nội) là hàng xóm nhà T để cùng đến mua điều hòa. Khoảng 22h cùng ngày, B dùng xe máy của B chở T đến căn nhà số 60 G1, T, T, TT, Hà Nội còn L tự đi xe máy xuống. Tại đây, B dùng chìa khóa đã lấy trộm ở nhà chị G trước đó mở cửa nhà và dẫn T, L vào xem đồ. B đã bán cho T: 01 điều hòa nhãn hiệu Daikin 250KW, 01 tủ lạnh nhãn hiệu Toshiba 409 lít màu đen với giá 6.000.000 đồng và cho T 01 bức tranh cùng 01 rèm cửa bằng vải; bán cho L 01 điều hòa nhãn hiệu Daikin 350 KW với giá 3.500.000 đồng, tổng được 9.500.000 đồng. Số tài sản trên T, L đã đem về nhà sử dụng. Ngoài ra L còn hỏi mua chiếc điều hòa nhãn hiệu Fujitsu với giá 2.000.000 đồng thì B đồng ý nhưng thỏa thuận ngày 16/10/2019 sẽ tháo. Còn 01 máy giặt nhãn hiệu LG 2.100W B đem về nhà sử dụng. Số tiền trên B đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 15/10/2019, T gọi điện cho B hẹn sáng ngày 16/10/2019 đến mở cửa để L tháo nốt chiếc điều hòa Fujitsu mà trước đó B thỏa thuận bán cho L thì B bảo T đến nhà B lấy chìa khóa để mở cửa cho L tháo điều hòa. Lúc này, T có hỏi mua 01 bộ giường, 01 tủ quần áo, 01 bộ bàn trang điểm, 01 tủ giày của căn

nhà trên thì B đồng ý bán với giá 3.000.000 đồng. Sau đó, T chuyển khoản cho B số tiền 2.000.000 đồng do trước đó B còn nợ T 1.000.000 đồng và T đến nhà B lấy chìa khóa.

Khoảng 09h ngày 16/10/2019, T thuê người đến nhà số 60 G1, Yên Ngưu, T, TT, Hà Nội để tháo dỡ 01 bộ giường, 01 tủ quần áo, 01 bộ bàn trang điểm và tủ giày. T gọi điện cho B hỏi mua thêm 01 bộ bàn ăn với giá 1.000.000 đồng và xin 02 bộ rèm cửa thì B đồng ý. Sau đó, T chuyển khoản cho B số tiền 3.000.000đ (gồm 1.000.000đ tiền bộ bàn ăn và 2.000.000 đồng tiền điều hòa Fujitsu L đã mua). Ngoài ra, T còn tự ý lấy 01 máy lọc nước nhãn hiệu Karofi, 01 quạt treo tường nhãn hiệu KDK, 01 bàn học gỗ ép của nhà chị G mà không được sự đồng ý của B rồi chở về nhà T và chờ L đến tháo nốt chiếc điều hòa Fujitsu. Khoảng 11h cùng ngày, L cùng với Lê Tiến D (sinh năm: 1990, HKTT: Yên D, Y, H, Hà Nội) đến và tháo xong chiếc điều hòa thì bị tổ công tác Đoàn công an C kiểm tra hành chính. Cơ quan điều tra đã tạm giữ của B 01 chùm chìa khóa B đã lấy trộm ở nhà chị G.

Ngày 15/11/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TT có văn bản số 789 yêu cầu định giá tài sản đối với các tài sản bị trộm cắp tại nhà chị G. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 654/ KLĐG ngày 25/11/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TT kết luận: *01 tủ lạnh hiệu Toshiba GRTG46VPDZ 409 lít, màu đen trị giá 2.400.000đ; 03 bộ điều hòa: Điều hòa Daikin FTKC35PVMV/RKC35PVMV/350, điều hòa Daikin FTKC25PVMV/RKC25PVMV/250 KW và điều hòa Fujitsu ASY12RSJTW có tổng trị giá 6.000.000đ; 01 máy giặt LG WD - 9600/2.100W trị giá 3.000.000đ; 01 bộ bàn ăn (160*80*70)cm và 08 ghế tựa (40*44*45) trị giá 1.500.000đ; 01 tủ giày bằng gỗ (143*97)cm trị giá 250.000đ; 01giường bằng gỗ (220*180*37)cm; 01 bộ bàn trang điểm bằng gỗ (gồm bàn, ghế, gương); 01 tủ quần áo bằng gỗ (140*253*54)cm có tổng trị giá 6.000.000đ; 01 máy lọc nước Karofi trị giá 100.000đ; 01 quạt treo tường KDK/M40M/51W trị giá 60.000đ; 03 bộ Rèm cửa vải trị giá 500.000đ; 01 tranh sơn dầu (85*105)cm trị giá 500.000đ; 01 bàn học gỗ ép (120*74) cm trị giá 250.000đ. **Tổng giá trị tài sản định giá là: 20.560.000 đồng.***

Phạm Ngọc B đã trả lại toàn bộ số tài sản trên cho chị Hoàng Ngọc G và trả cho chị G số tiền 19.060.000 đồng để khắc phục và sửa chữa đồ đạc. Chị G không yêu cầu B phải bồi thường dân sự và có đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự đối với B. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị G chùm chìa khóa mà B lấy trộm tại nhà chị G. Ngoài ra, B đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 14.500.000 đồng thu được từ việc bán các tài sản của chị G cho Nguyễn Đức T và anh Lê Đức L.

Đối với Nguyễn Đức T, T mua đồ thanh lý của B gồm: điều hòa, tủ lạnh, bộ bàn ghế ăn, giường, tủ, bàn trang điểm...nhưng không biết đó là tài sản do B trộm cắp của chị G nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Tuy nhiên, lợi dụng nhà chị G không có người trông coi và không được sự đồng ý của B, T đã tự ý lấy trộm 01 máy lọc nước Karofi trị giá 100.000 đồng, 01 quạt treo tường nhãn hiệu KDK trị giá 60.000 đồng, 01 bàn học gỗ ép trị giá 250.000 đồng, tổng

giá trị tài sản T lấy của nhà chị G là 410.000 đồng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện TT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi trộm cắp tài sản. T có yêu cầu B trả lại số tiền T đã mua đồ thanh lý của B là 11.000.000 đồng.

Đối với anh Lê Đức L, khi mua thanh lý tài sản của B, anh L không biết đó là tài sản do B trộm cắp của chị G nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Anh L yêu cầu B trả lại cho anh số tiền đã mua điều hòa là 3.500.000 đồng. Đối với anh Lê Tiến Dũng, khi giúp anh L tháo điều hòa tại nhà chị G, anh Dũng không biết đó là tài sản do B trộm cắp của chị G nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Ngọc B đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của B phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác do Cơ quan điều tra thu thập được.

Bản cáo trạng số 25/CT - VKSTT ngày 28/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Phạm Ngọc B về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phạm Ngọc B thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã nêu, thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Hà Nội truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi hai con nhỏ. Bị cáo đồng ý trả lại cho anh Nguyễn Đức T số tiền 11.000.000 đồng, trả cho anh Lê Đức L số tiền 3.500.000 đồng bị cáo đã nhận do bán tài sản trộm cắp được của chị G cho anh T và anh L.

- Bị hại là chị Hoàng Ngọc G có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trước đây, đề nghị giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức T giữ nguyên các lời khai trong quá trình điều tra, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả lại cho anh số tiền 11.000.000 đồng anh đã mua tài sản mà bị cáo trộm cắp được của chị G để bán cho anh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Đức L vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên những ý kiến đã khai báo tại cơ quan điều tra, yêu cầu bị cáo trả lại cho anh số tiền 3.500.000 đồng anh đã mua tài sản mà bị cáo trộm cắp được của chị G để bán cho anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 BLHS năm 2015 xử phạt Phạm Ngọc B từ 06 đến 12 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về dân sự: Trả lại cho bị cáo số

tiền 14.500.000 đồng bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo Phạm Ngọc B tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Cuối tháng 9/2019, tại nhà chị Hoàng Ngọc G ở số 60 tập thể G1, T, T, TT, Hà Nội, Phạm Ngọc B đã lén lút lấy trộm 01 chùm chìa khóa nhà của chị G và đem về nhà cất giấu. Khoảng 22h ngày 12/10/2019, lợi dụng nhà chị G không có người trông coi, B đã dùng chùm chìa khóa trên mở cửa nhà và bán tài sản của nhà chị G cho Nguyễn Đức T và anh Lê Đức L gồm: 01 tủ lạnh nhãn hiệu Toshiba trị giá 2.400.000 đồng, 03 bộ điều hòa nhãn hiệu Daikin và Fujitsu tổng trị giá 6.000.000 đồng và cho T 01 bức tranh sơn dầu trị giá 500.000 đồng cùng 01 bộ rèm cửa. Số tiền B thu lời từ việc bán tài sản của nhà chị G là: 9.500.000 đồng. Ngoài ra, B đã lấy trộm ở nhà chị G 01 máy giặt nhãn hiệu LG trị giá 3.000.000 đồng đem về nhà sử dụng. Đến ngày 16/10/2019, với thủ đoạn như trên, B đã đưa chùm chìa khóa trên cho T đến mua thanh lý tiếp các tài sản của nhà chị G gồm: 01 bộ bàn ăn và 08 ghế tựa trị giá 1.500.000 đồng; 01 giường, bàn trang điểm, tủ quần áo bằng gỗ trị giá 6.000.000 đồng, số tiền B thu lời từ việc bán các tài sản trên là 5.000.000 đồng. Ngoài ra, B còn cho T: 01 tủ giày bằng gỗ trị giá 250.000 đồng và 02 bộ rèm cửa (tổng giá trị 03 bộ rèm cửa B cho T là 500.000 đồng). Khi anh L đến tháo nốt 01 bộ điều hòa Fujitsu đã thỏa thuận bán từ ngày 12/10/2019 thì bị Cơ quan công an đến kiểm tra hành chính, phát hiện và đưa về trụ sở làm việc. Tổng giá trị tài sản B trộm cắp của chị Hoàng Ngọc G là: 20.150.000 đồng.

Hành vi của Phạm Ngọc B đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại, làm mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân. Để đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần bảo vệ tài sản của nhân dân, cần thiết phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS 2015.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015; Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện trả lại cho chị G toàn bộ các tài sản mà bị cáo đã trộm cắp và bồi thường cho chị G số tiền 19.060.000 đồng để khắc phục và sửa chữa đồ đạc nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS 2015; Bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên cho bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

[4] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015: *«Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng»*. Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về dân sự: Do chị G đã nhận lại toàn bộ tài sản, được B bồi thường thiệt hại để khắc phục, sửa chữa tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Đức T đòi bị cáo phải trả lại cho anh 11.000.000 đồng và yêu cầu của anh Lê Đức L đòi bị cáo trả lại cho anh số tiền 3.500.000 đồng là có căn cứ vì khi mua tài sản của B anh T, anh L không biết đó là tài sản do B phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo trả lại anh T, anh L số tiền trên.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo hoàn trả tiền theo yêu cầu của anh T và anh L.

[7] Về xử lý vật chứng: Số tiền 14.500.000 đồng bị cáo thu được từ việc bán tài sản của chị G cho các anh Nguyễn Đức T và Lê Đức L bị cáo đã nộp lại cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả. Do bị cáo đã trả lại tài sản và bồi thường cho chị G nên trả lại bị cáo số tiền này nhưng tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] Về những vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với Nguyễn Đức T, T mua đồ thanh lý của B gồm: điều hòa, tủ lạnh, bộ bàn ghế ăn, giường, tủ, bàn trang điểm,...nhưng không biết đó là tài sản do B trộm cắp của chị G nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Tuy nhiên, lợi dụng nhà chị G không có người trông coi và không được sự đồng ý của B, T đã tự ý lấy trộm một số tài sản trong nhà chị G có tổng giá trị là 410.000 đồng, số tài sản T Chiếm đoạt chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện TT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi trộm cắp tài sản là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với anh Lê Đức L, khi mua thanh lý tài sản của B, anh L không biết đó là tài sản do B trộm cắp của chị G nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với anh Lê Tiến Dũng, khi giúp anh L tháo điều hòa tại nhà chị G, anh Dũng không biết đó là tài sản do B trộm cắp của chị G, do Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc B phạm tội «Trộm cắp tài sản».

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Phạm Ngọc B 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Ngọc B trả cho anh Nguyễn Đức T 11.000.000 đồng, trả cho anh Lê Đức L 3.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả hết số tiền phải trả thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho Phạm Ngọc B số tiền 14.500.000 đồng B nộp để khắc phục hậu quả hiện đang lưu giữ tại tài khoản số 3949.1048094 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội mở tại Kho bạc Nhà nước huyện TT - 01701020 (do Công an huyện TT, thành phố Hà Nội chuyển khoản theo Ủy nhiệm chi số 13 ngày 25 tháng 03 năm 2020) nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 725.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo : Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại là chị Hoàng Ngọc G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc niêm yết bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Đức L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. TT, TP Hà Nội;
- Công an huyện TT, TP Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án hình sự H.TT, TP Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. TT, TP Hà Nội;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chương